TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/KDTM-PT
Ngày: 16/ 9 /2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Trường**
Ông **Đặng Văn Lộc**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Chiếm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 19 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Trụ sở: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh V.

Ông T ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Duy N - Chức vụ: Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh V; địa chỉ liên lạc: Số C, Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (giấy ủy quyền số: 930/2024/UQ-CNVL ngày 21/3/2024): có mặt

Bị đơn: **Công ty Cổ phần T2**

Trụ sở: Số F, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D1 - Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần T2; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên lạc: Số E, đường T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Ông Nguyễn Hòa T1, sinh năm 1982; địa chỉ liên lạc: Số C, đường M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo Thông báo về việc thay đổi tư cách tham gia ngày 10/6/2024 và Hợp đồng ủy quyền ngày 10/6/2024): có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Duy N trình bày:

Ngày 07/3/2023, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với Công ty Cổ phần T2 có ký kết Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 202326984713 kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng và giấy nhận nợ số: LD2333900368 ký ngày 05/12/2023, chi tiết như sau: Hạn mức cấp tín dụng là 5.000.000.000đồng (năm tỷ đồng); mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán xăng dầu; thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 01 năm, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 05/12/2023 đến 05/3/2024); lãi suất trong hạn: 7,8%/năm; lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân giấy nhận nợ số LD2333900368 đến nay Công ty T2 đã thanh toán cho Ngân hàng S1 tổng số tiền là: 125.640.444đồng (trong đó tiền nợ gốc là 38.000.000đồng và nợ lãi là 87.640.444đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng S1. Công ty T2 *đã* vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 02 Hợp đồng tín dụng số: 202326984713 ngày 07/3/2023. Ngày 05/3/2024, Ngân hàng S1 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn nợ sang nợ quá hạn. Dư nợ đến ngày 25/3/2024 là 4.962.000.000đồng (bốn tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Để đảm bảo khoản vay, Công ty T2 có ký kết Ngân hàng S1 Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là động sản) số 202326984713 ngày 07/3/2023,

có đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, tài sản bảo đảm gồm:

+ Tài sản 1: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại FG8JJSB, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-044.97, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005767 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 20/9/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 2: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại FG8JJSB, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-044.91, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005768 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 20/9/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 3: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại FG8JJSB, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-044.88, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005765 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 20/9/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 4: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại FG8JJSB, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-044.58, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005766 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 20/9/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 5: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại FG8JJSB, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-044.53, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005763 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 20/9/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 6: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại WU342L, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-040.59, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 004839 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 30/5/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 7: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại WU342L, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-041.09, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 004979 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 15/6/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 8: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại WU342L, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-040.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 004977 do Phòng C-Công an tỉnh V cấp ngày 15/6/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 9: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại WU342L, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-040.87, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 004832 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 30/5/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu;

+ Tài sản 10: Một chiếc xe Xitéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO, số loại WU342L, 3 chỗ ngồi, màu trắng, biển số 64C-040.49, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 004829 do Phòng C - Công an tỉnh V cấp ngày 30/5/2016 cho Công ty Cổ phần T2 đứng tên chủ sở hữu.

Ngân hàng S1 khởi kiện: Yêu cầu Công ty T2 trả nợ cho Ngân hàng S1 tính đến ngày 25/3/2024 số tiền là 5.005.089.837đồng (trong đó, nợ gốc là 4.962.000.000đồng, nợ lãi là 43.089.836đồng (nợ lãi trong hạn là 9.616.438đồng, nợ lãi quá hạn là 33.418.071đồng, nợ lãi phạt quá hạn là 55.327đồng)) và phải chịu lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 26/3/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký.

Trong trường hợp, Công ty T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng S1 sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202326984713 ngày 07/3/2023 để thanh toán nợ vay. Ngoài ra, Ngân hàng S1 còn yêu cầu Công ty T2 trả toàn bộ tiền án phí và các khoản phí khác liên quan đến vụ án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số 202326984713 kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng; giấy nhận nợ số: LD2333900368 ký ngày 05/12/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là động sản) số 202326984713 ngày 07/3/2023; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-044.97; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-044.91; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-044.88; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-044.58; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-044.53; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-040.59; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-041.09; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-040.60; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-040.87; giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển số 64C-040.49; văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm ngày 07/3/2023; thông báo về việc đăng ký thế chấp số: 349580/TT2-TB; số: 349581/TT2-TB; số 349582/TT2-TB; số 349583/TT2-TB; số 349584/TT2-TB; số 349585/TT2-TB; số 349586/TT2-TB; số 349587/TT2-TB; số 349588/TT2-TB;

số 349589/TT2-TB cùng ngày 07/3/2023; sao kê chi tiết dư nợ vay của khách hàng Công ty T2. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* *Bị đơn Công ty T2:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử; Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Công ty T2 có cung cấp chứng cứ văn bản "Đăng ký thời gian thẩm định tài sản tại chỗ ngày 29/5/2024"; "Đơn yêu cầu ngày 27/5/2024" và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại đơn yêu cầu ngày 27/5/2024, Công ty T2 trình bày: Công ty T2 có ký Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 202326984713 kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng ngày 07/03/2023 với Ngân hàng S1 để vay vốn kinh doanh xăng dầu, có thế chấp 10 chiếc xe Xítéc chở xăng, dầu, nhãn hiệu HINO; trong thời gian vừa qua việc kinh doanh của Công ty T2 gặp nhiều khó khăn dẫn đến mất khả năng thanh toán cho Ngân hàng S1. Tính đến thời điểm Ngân hàng S1 khởi kiện Công ty T2 còn nợ số tiền nợ gốc là 4.962.000.000đồng và nợ lãi là 43.089.836đồng; Ngân hàng S1 nhiều lần yêu cầu Công ty T2 tự nguyện giao tài sản để xử lý thu hồi nợ gốc và lãi vay. Công ty T2 hiểu rõ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng S1. Tuy nhiên, Công ty T2 không thể giao tài sản cho Ngân hàng S1 để xử lý thu hồi nợ được. Vì đến thời điểm hiện nay Công ty T2 chưa có giải pháp cụ thể nào để hòa giải với Ngân hàng S1 nên Công ty T2 đề nghị từ chối hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Công ty T2 xin vắng mặt tại các buổi hòa giải.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024*,Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 158, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95, 96, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 8 NQ 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T2 có nghĩa vụ trả nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 19/7/2024 là 5.189.900.288đồng (trong đó nợ gốc là 4.962.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 9.616.438đồng, nợ lãi phạt nợ gốc quá hạn là 217.922.904đồng, nợ lãi phạt lãi chậm trả 360.946đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 202326984713 ngày 07/3/2023 kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng và giấy nhận nợ số: LD2333900368 ký ngày 05/12/2023, tính từ ngày 20/7/2024 đến khi Công ty T2 trả hết nợ;

Trường hợp, Công ty Cổ phần T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202326984713 ngày 07/3/2023, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với Công Ty Cổ Phần T2 để thanh toán nợ vay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, bị đơn Công ty Cổ phần T2 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bị đơn trả nợ gốc, xem xét cho bị đơn được miễn giảm toàn bộ số nợ lãi. Lý do kháng cáo: Bị đơn gặp rất nhiều khó khăn trong việc kinh doanh nên dẫn đến mất khả năng thanh toán cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Thống nhất nội dung án sơ thẩm. Đồng ý trả tiền vốn vay và xử lý tài sản theo quyết định của bản án sơ thẩm. Chỉ đề nghị Tòa án căn cứ quy định của Ngân hàng về việc miễn giảm lãi và quy định tại Điều 420 của Bộ luật dân sự để miễn giảm các khoản tiền lãi theo án sơ thẩm. Đối với các thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn đã nhận nhưng do nợ nhiều ngân hàng nên chưa thực hiện thủ tục yêu cầu miễn, giảm lãi gửi nguyên đơn và cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Quá trình thực hiện hợp đồng và trong giai đoạn Tòa án giải quyết, bị đơn là bên vay không có văn bản đề nghị xem xét miễn giảm lãi vay. Do vậy, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Quan hệ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản; nghĩa vụ trả tiền vay, tiền lãi và xử lý tài sản thế chấp theo án sơ thẩm đã xác định.

Vấn đề không thống nhất: Bị đơn cho rằng đang thiếu nợ nhiều ngân hàng, việc kinh doanh khó khăn nên xin miễn giảm toàn bộ các khoản tiền lãi theo bản án sơ thẩm nhưng nguyên đơn không đồng ý vì cho rằng bị đơn vẫn đang hoạt động, không đủ điều kiện miễn, giảm lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu quan điểm về án phí phúc thẩm, các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm miễn giảm toàn bộ các khoản tiền lãi vay theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng và việc thực hiện biện pháp bảo đảm đã được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đã có hiệu lực pháp luật. Bị đơn là bên vay tài sản thống nhất số tiền vay vốn và tiền lãi theo nghĩa vụ phải trả như Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết; chỉ yêu cầu được xem xét miễn giảm toàn bộ các khoản nợ lãi nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không yêu cầu sửa đổi

hợp đồng có liên quan việc miễn giảm lãi theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong quá trình tố tụng, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguyên nhân không thanh toán nợ lãi là do khách quan hoặc thuộc trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản để yêu cầu Tòa án sửa đổi hợp đồng về nghĩa vụ trả tiền lãi nên Tòa án không có căn cứ sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 420 của Bộ luật dân sự. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 158, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95, 96, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTPngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T2 có nghĩa vụ trả nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 19/7/2024 là 5.189.900.288đồng

(trong đó nợ gốc là 4.962.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 9.616.438đồng, nợ lãi phạt nợ gốc quá hạn là 217.922.904đồng, nợ lãi phạt lãi chậm trả 360.946đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 202326984713 ngày 07/3/2023 kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng và giấy nhận nợ số: LD2333900368 ký ngày 05/12/2023, tính từ ngày 20/7/2024 đến khi Công ty T2 trả hết nợ;

Trường hợp Công ty Cổ phần T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202326984713 ngày 07/3/2023, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với Công Ty Cổ Phần T2 để thanh toán nợ vay.

2. Án phí: Công ty Cổ phần T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí king doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo Biên lai số 0007121 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; Công ty Cổ phần T2 đuộc hoàng trả tiền chênh lệch là 1.000.000 đồng(một triệu đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TP.Vĩnh Long;
- VKSND TP.Vĩnh Long;
- CCTHADS TP.Vĩnh Long;

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Triệu Hữu